Tập 1 — Những Bài Pháp Quan Trọng Tại Lộc Uyển…

Một Cuộc Đời, Một Vầng Nhật Nguyệt (Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Tại Lộc Uyển Dành Cho Thành Phần Ưu Tú

Có lẽ duyên ở Bārāṇasī vậy là vừa đủ. Bây giờ còn là mùa mưa, nước sông Gaṅgā dâng cao, tràn bờ, việc đi khất thực bắt đầu khó khăn, lều xá tạm cư cần phải làm thêm cho đủ chỗ sáu mươi người, đức Phật bàn tính với năm vị trưởng lão để sắp xếp, cắt đặt công việc ăn ở. Tuy nhiên, chỉ ít hôm sau là mọi công việc lại trở nên dễ dàng. Các gia đình thương gia, thân quyến và gia nhân của các vị công tử tìm đến. Sau khi thấy không thuyết phục được con em của mình, chủ của mình, mà ngược lại, họ bị thuyết phục nên đã tự động cho người mua vật liệu, ra tay làm cốc liêu chỗ này, chỗ kia cho các ngài! Rồi vấn đề thiếu y, thiếu bát và những vật dụng cần thiết, các gia đình dâng cúng đầy đủ cả. Thời gian ở đây, những lúc trời tạnh ráo, đức Phật cho Koṇḍañña triệu tập Tăng chúng để giảng những thời pháp quan trọng. Mặc dầu các vị, hội chúng độc thân trí thức và quý phái, thành phần tinh ba của xã hội đã là bậc A-la-hán cả; nhưng những chi tiết pháp và luật áp dụng vào đời sống thì họ còn cần phải học hỏi nhiều. Đức Phật giảng một bài pháp liên hệ đến việc hướng tâm đúng, tức là như lý tác ý (yoniso-manasikāra) ở trong mọi thời, ở trong mọi lúc. Hướng tâm giống như bánh lái của

một con thuyền, bánh lái hướng về phương nào thì con thuyền sẽ đi theo hướng ấy. Cũng vậy, hướng tâm sai lệch, phi như lý tác ý (ayonisa-manasikāra) thì toàn bộ thân tâm sẽ sai lệch, mọi cảm thọ, tri giác, tâm hành và nhận thức đều phải bị lệch lạc. Như Lai cũng nhờ vào sự hướng tâm đúng đắn, chân thực này, là yếu tố quyết định để đắc quả Chánh Đẳng Giác. Sau này, lúc du hành giữa cõi ta-bà, lúc thuyết pháp độ sinh, các thầy tỳ-khưu phải thường tỉnh thức, giác niệm điều ấy và cũng thường chỉ giáo cho mọi người như thế. Bài pháp thứ hai, đức Phật tuyên bố, hiện nay, ngài và hội chúng tỳ-khưu ở đây đều đã thoát khỏi mọi kiết sử buộc ràng ở cõi người cũng như cõi trời; đã không còn dính mắc bất kỳ một lưới võng nào của dục hữu, dục tham, dục ái dù thô tháo hay tế vi. Cuối thời pháp, có một số câu hỏi liên hệ về nhân và quả, tâm và cảnh của các cõi, đức Phật đã cặn kẽ mở rộng nhãn quan và kiến văn cho chư đệ tử bằng cách sử dụng thần thông cho họ thấy ngay trước mắt các cảnh giới từ Địa ngục cho đến Tha hóa tự tại thiên cùng nhân quả nghiệp báo của chúng. Riêng các cảnh giới thuộc thiền định, sắc và vô sắc, đức Phật dạy nên tu thiền định, năm vị trưởng lão sẽ hướng dẫn cho họ, sẽ tức khắc thấy ngay các cảnh giới ấy trong tâm của mình. Bài pháp thứ ba, đức Phật kể câu chuyện về một người thợ đóng bánh xe, làm hai bánh xe cho đức vua Pacetana thời xưa. Một bánh xe, người thợ cẩn thận, chú tâm, công phu làm trong sáu tháng ròng rã. Qua bánh xe thứ hai, do sự đốc thúc của nhà vua nên ông đã nóng nảy, vội vã chỉ làm trong sáu ngày thì xong. Khi chiếc xe được cẩn ngọc, dát vàng, rèm châu, sáo bạc lấp lánh sang trọng, do đôi ngựa thuần chủng kéo đi, chưa được nửa do-tuần, chiếc xe đã gãy ngã, sụp đổ. Khi quan sát, bánh xe thứ nhất vẫn kiên cố, vững

chắc; bánh xe thứ hai có nhiều khuyết điểm ở vành, 394 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

nan, trục nên bị đứt lìa hoặc gãy vụn. Cũng vậy, này các thầy tỳ-khưu! Các thầy tuy đã đoạn lìa phiền não, nhưng những tiền khiên tật, nghiệp, thói quen xấu được huân tập lâu đời vẫn còn hiển lộ đâu đó qua thân, khẩu, ý chưa được kiểm soát một cách chặt chẽ. Những khuyết điểm, những khuyết tật này cũng cần phải chỉnh sửa trong thời gian dài mới ổn cố và toàn vẹn được. Nếu không, các thầy sẽ bị ngã nhào, không phải ngã nhào trên hành trình giải thoát mà ngã nhào ra khỏi phẩm mạo tăng tướng phạm hạnh vốn với thân khẩu ý toàn bích, không có một khiếm khuyết nào! Thế là đức Phật phải giảng nói rất kỹ về ngữ, nghiệp, mạng, ba tiết chế tâm sở cùng một số luật nghi, tế hạnh như là đời sống bất ly của một sa-môn trong giáo đoàn tỉnh thức, làm mẫu mực cho tứ chúng sau này y chỉ. Cuối thời pháp thứ ba, có những câu hỏi liên hệ đến truyền thống tôn giáo cũ, hiện đang đóng đô và phát triển rầm rộ ở thành phố Bārāṇasī, quê hương của họ. Về lãnh vực này, Yasa và bạn hữu, những người ở trong lòng hiện tượng và vụ việc đã trình tự, thay phiên nhau phác họa bối cảnh vừa khái quát vừa chi tiết rất là rõ ràng, mạch lạc. Họ nói rằng, Bārāṇasī là lãnh địa, là linh địa của tri thức Vệ-đà và Upanishad, tư tưởng nhân quả, tái sanh, luân hồi có đề cập thông qua nhưng bị chìm mất bởi bàn tay của các vị thần linh với sự thưởng phạt bất minh, tùy tiện. Ai cầu nguyện nhiều, tế lễ trâu, bò, cừu, dê hậu hĩ thì sớm được lên hầu hạ bên chân của các thần. Ai không tin, phỉ báng thánh thần hoặc lễ lạt có vẻ coi thường thì xem chừng bị đày xuống hỏa ngục! Cả một tập đoàn bà-la-môn chuyên nghiệp nắm độc quyền thần linh ở trong tay nên tha hồ bày ra các loại tế đàn: tiểu tế, trung tế, đại tế! Chưa thôi, việc gì cũng phát sanh lễ cả. Từ việc sinh đẻ, cưới hỏi, hỏa táng, cuộc đất, hướng nhà, ốm bệnh, bán buôn, đi buôn, đi xa, lên thuyền, lên ngựa, làm nhà, lạc thành, đầu tháng, cuối tháng, Minh Đức Triều Tâm Ảnh 395

giữa tháng... tất tần tật đều có lễ, có các thầy bà-la-môn chủ trì, phán lệnh, truyền lệnh, rảy nước thiêng, đọc thần chú, bùa chú, pháp thuật... Rồi hiến tế thần nước, thần lửa và hằng trăm vị thần khác biết bao nhiêu là của cải, tài sản, đầu súc vật! Vì ai cũng muốn lên thiên đàng nên các thầy bà-la- môn bày ra việc bán mua ấy để kiếm lợi nhuận béo bở, sống vinh thân phì gia, vợ con đùm đề, hưởng thọ dục lạc mà ít đổ mồ hôi lại còn được ăn trên ngồi trước nữa! Thành phố Bārāṇasī, chưa có một nghề nào khỏe khoắn nhưng sang trọng, thịnh vượng và phát đạt bằng nghề thầy tu! Thế rồi, đức Phật trình bày những tri kiến của đạo giải thoát: Như Lai không bao giờ muốn thành lập một tôn giáo mới. Ở trong truyền thống hoặc ở ngoài truyền thống, Như Lai đều không quan tâm. Vấn đề của Như Lai là con người, sự nhận chân như thực về con người cùng những tồn tại đau khổ của nó. Như Lai không bàn về tư tưởng, nhân tình, nhân văn, nhân bản đi liền với các nấc thang giá trị đã được con người định giá, xác lập, thiết lập có tính ước lệ từ ngàn xưa đến nay. Cái con người bằng xương bằng thịt cùng với cảm xúc, tư tưởng, tâm hồn, nhận thức ấy, tại sao lại lúc vui, lúc buồn, lúc hỷ, lúc lạc, lúc khát vọng, lúc bạo tàn... rồi đem đến đau khổ cho mình và cho người khác. Như Lai khảo sát con người ấy, thấy sầu bi khổ ưu não nơi con người ấy rồi tìm cách tốt nhất để pha chế một phương thuốc thoát khổ. Sự diệt khổ đã được tìm thấy. Giác ngộ, giải thoát

đã được tìm thấy. Nay Như Lai đi khắp nơi để giảng nói về đạo lộ bất tử ấy. Chỉ đơn giản như vậy thôi. Giáo pháp của Như Lai không có một vị thần linh nào, không có tế lễ, tắm nước sông Gaṅgā để tẩy sạch tội lỗi, hay rảy nước phép, nước thánh để tiêu trừ tai ương, hoạn nạn; không có bùa thuật huyền bí, không giết hằng trăm ngàn súc vật tế thần lửa, thần Kālī hoặc tế vị thượng đẳng thần nào để xin xỏ một cái gì. Không có giáng tội, ban phúc, không có bán mua, hứa 396 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

hẹn kiếp này và kiếp kia. Lại càng không thành lập một đẳng cấp hoặc một tổ chức quyền uy linh thiêng hoặc thế tục nào cả. Chẳng tuyên truyền quảng bá cho một lý tưởng nào. Giáo pháp của Như Lai và các sa-môn của Như Lai thực hành theo trung đạo, thiểu dục và tri túc, đi xin ăn cửa mọi nhà, hoàn toàn vô sản và bần hàn, sống đời yểm ly và giải thoát tất cả những hệ lụy, phiền não của cuộc đời. Vô ngã, khiêm nhu, vắng lặng và trong sạch là đời sống của Như Lai và giáo hội của Như Lai. Hội chúng trí thức lãnh hội rất nhanh nội dung tinh tủy của bài pháp. Tuy nhiên, có vị muốn hỏi cho rõ ràng hơn: - Bạch đức Thế Tôn! Tắm nước sông Gaṅgā chỉ rửa sạch bụi bẩn, chứ không thể tẩy sạch các tội lỗi, các bà-la-môn thông thái cũng nói như vậy; nhưng họ còn nói rằng: Chỉ có lễ "thánh tẩy thiêng liêng" với những nghi lễ nghiêm túc, đúng đắn, kính thành mới mang đến hiệu quả rửa sạch tội lỗi do con người phạm tội gây nên! Đức Phật bác bỏ quan niệm ấy, nói rằng, ác nghiệp và tội lỗi do chính ta tạo bằng thân, khẩu hay ý; vậy thì muốn hết tội, hết nghiệp để có được đời sống trong sạch, thì phải biết thanh tịnh hóa thân khẩu và ý! Chẳng có thần linh nào tham dự ở đấy cả! Vị khác lại nói: - Còn tục thờ thần lửa nữa, bạch đức Tôn Sư! Tập tục tế đàn lửa thiêng có từ kinh Vệ-đà, các bà-la-môn chuyên nghiệp tuân thủ và thực hành rất bài bản. Họ nói rằng, lễ nghi thờ cúng càng nhiều đầu và máu súc vật thì thần Agni mới mang phước quả ấy lên thiên giới để chứng minh cho lòng thành của gia chủ. Một số khác, nhất là quần chúng giáo đồ ngu muội lại tin tưởng ngây ngô rằng, lửa thiêng sẽ đốt cháy hết tội lỗi đối với ai thành kính thờ thần lửa; còn những lễ hỏa thiêu bên bờ sông linh thánh, có chủ tế, có tế vật, có cầu nguyện thì linh hồn người chết mới được siêu Minh Đức Triều Tâm Ảnh 397

sanh! Nay nhờ đức Thế Tôn vén mở, chúng đệ tử mới hiểu đấy là trò ma mị của tập cấp tu sĩ chủ tế bà-la-môn buôn thần bán thánh! Một vị khác nữa: - Bạch đức Thế Tôn! Tắm rửa tội ở sông Gaṅgā, chúng ta chỉ thương xót cho đám dân cuồng tín dại khờ, dẫu sao họ cũng chưa làm hại ai! Thờ thần lửa cũng vậy, ít ra là họ cũng biết sợ hãi tội lỗi mà ngăn ngừa được một số việc ác. Cả hai hình thức tín ngưỡng trên có thể châm chước. Nhưng một đôi nơi tế người sống, và nơi nào cũng giết hại hàng ngàn, hằng vạn súc vật thì quả là tổn thương đến lòng trắc ẩn và lẽ công bằng của sự sống! Đức Phật nhè nhẹ gật đầu: - Các thầy đã hiểu đúng giáo pháp của Như Lai! Không ai có thể mua chuộc hoặc hối lộ vị thần linh nào để tẩy rửa ác nghiệp của mình; cũng không thể dùng sanh mạng của sinh linh vô tội để hiến tế cho mục đích tín ngưỡng mù quáng của mình. Động vật, súc vật các loại, bò bay máy cựa đều là chúng sanh, do nghiệp, do hậu quả của ác nghiệp mà noãn thai thấp hóa vào thân xác chúng sinh hạ đẳng. Mai này, trả xong nghiệp quả, chúng cũng có thể trở lại thân người hoặc tái sanh vào các cảnh giới khác. Giáo pháp của Như Lai xem sự sống là bình đẳng, phải có lòng thương yêu, bi

mẫn đối với tất cả chúng sanh, không phân biệt. Đức Phật kết luận: - Tất cả cái gọi hình thức, lễ nghi, cầu khấn, tế tự cùng mọi cấm giới theo tập tục, phong tục, tập quán của truyền thống, của xã hội, của tín ngưỡng tôn giáo... chỉ có tính cách ràng buộc nhau trong những trật tự ngây ngô và niềm tin quy ước cuồng tín, thường tạo thêm gánh nặng và đau khổ cho nhau trong vô minh, kéo dài luân hồi sinh tử không bao giờ đưa đến giác ngộ, giải thoát. Đối với Như Lai, đấy là kiết sử, là giới cấm thủ, ngăn bít sự thăng hoa tinh thần, tiến bộ tâm 398 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

linh. Một bậc thánh Tu-đà-hoàn, một vị Nhập lưu cũng đã cắt đứt được ba sợi dây trói buộc, đó là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ, các thầy biết rõ như vậy chứ? Không có gì minh nhiên, minh triết hơn thế nữa. Ngoài tâm giải thoát, tuệ giải thoát, đức Phật còn tuần tự khai mở nhãn quan và kiến văn phong phú, đa diện cho chư vị thánh tăng dần dần biết vận dụng phương tiện trí trên con đường hoằng pháp lợi sinh. Giáo pháp được giảng nói kỹ càng như thế mà đức Phật vẫn chưa yên tâm, ngài còn cắt đặt thành từng nhóm nhỏ, bảo Koṇḍañña phân công cho Bhaddiya, Mahānāma, Vappa và Assajī hướng dẫn cặn kẽ để cho định của họ càng thâm sâu và tuệ càng sắc bén thêm nữa. Trong lúc đó, đức Phật lại còn bận rộn vì những phái đoàn học chúng cư sĩ: Họ đến vì đủ mọi lý do, nhưng phần đông, sau khi nghe pháp, đã trở thành hai hàng cận sự nam nữ.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 399

Hãy Ra Đi Nhọ Những Cánh Chim Trời Tự Do

Những lều tre, mái lá lau sậy cũng chống đỡ nổi qua suốt mùa mưa khắc nghiệt. Cuối tháng chín, mực nước các sông hồ đã rút xuống, các lối đi đây đó đã tạm thời khô ráo. Nhờ thời tiết chuyển mùa mà không gian trở nên xanh sạch đẹp, trong lành và mát mẻ. Hội chúng trí thức của đức Phật nhờ thấm nhuần giáo pháp, tẩm mát, sung mãn niềm vui siêu thế nên tâm hồn phơi phới, thanh thoát, đôi vị thốt lên những cảm hứng ngữ xuất thần, những câu kệ thơ thanh bình, vi diệu. Biết đã đến thời củng cố thêm phương tiện trí trên con đường hoằng pháp nhiêu khê mai hậu; đức Phật lại cho tụ họp hội chúng, thuyết thêm hai thời pháp quan trọng nữa, nội dung nhắm đến bổn phận và trách nhiệm của mỗi thành viên. Nhờ đều là thành phần ưu tú, thông minh cả nên họ nắm bắt rất nhanh. Đoạn tóm tắt, đức Phật cất giọng hùng hồn, mạnh mẽ như tiếng sấm gióng giữa trời mưa: - Nầy các thầy tỳ-khưu! Như Lai và các thầy đã thoát khỏi tất thảy mọi trói buộc, dầu ở cảnh người, cảnh trời dục, sắc hay vô sắc. Bây giờ, tất cả chúng ta hãy ra đi như những cánh chim trời tự do! Hãy ra đi! Hãy bay qua sông dài biển rộng! Hãy lên đường vì lợi ích vì sự an lạc cho phần đông! Vì lòng từ bi,

400 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

hãy mang lại sự tốt đẹp, sự lợi ích và hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Mỗi người hãy đi mỗi ngã, đừng đi chung một đường! Hãy tùy duyên mà hoằng dương, truyền bá chánh pháp! Hãy tùy căn cơ mà thuyết giáo độ sinh. Giáo pháp của Như Lai các thầy đã uống được giọt nước đầu nguồn rồi. Giáo pháp ấy toàn hảo ở đoạn đầu (sơ thiện), toàn hảo ở đoạn giữa (trung thiện), toàn hảo ở đoạn cuối (hậu thiện) và toàn hảo cả ý nghĩa

và văn cú nữa. Hãy công bố đời sống phạm hạnh thiêng liêng vừa toàn thiện vừa trong sạch. Có những chúng sanh còn vướng ít bụi cát trong mắt, nếu không nghe được giáo pháp sẽ bị đọa lạc một cách đáng thương xót; nhưng nếu họ nghe được, họ sẽ thấu hiểu, thấy rõ và sẽ được giải thoát. Nầy các thầy tỳ-khưu! Khi các thầy ra đi mỗi người mỗi phương thì Như Lai cũng ra đi. Như Lai sẽ đi về hướng Uruvelā, đến làng Senānī thăm lại các gia đình ân nhân thí chủ, lại có duyên hóa độ cho nhiều người, sau đó sẽ đến Māgadha, thủ đô Rājagaha thăm đức vua Bimbisāra như lời hứa thuở trước. Hãy ra đi! Nầy các thầy tỳ-khưu! Hãy phất lên ngọn cờ của bậc thiện trí! Hãy truyền dạy giáo pháp nhiệm mầu và bất tử! Hãy mang lại sự tốt đẹp và mùa xuân an lành cho nhân thế. Làm được như vậy là các thầy đã hoàn tất bổn phận và nhiệm vụ của những Như Lai sứ giả trên cõi đời nhiều khổ ít vui nầy! Như vậy là đức Phật đã gởi đi bốn phương sáu mươi vị thánh tăng A-la-hán, như là những sứ giả đầu tiên với tâm với tuệ giải thoát toàn bích nhất, không chừa lại bên mình một ai cả. Hội chúng bây giờ mới thấy rõ thêm là từ rày họ phải tự lực, đơn thân độc mã trên lộ trình vô định. Họ phải chiêm nghiệm đời sống thánh thiện của những sa-môn khất sĩ, đầu chần chân đất, không hành lý, tư lương, tứ cố vô thân, hoàn toàn chỉ biết nương tự nơi chính mình. Minh Đức Triều Tâm Ảnh 401

Trưởng lão Koṇḍañña chợt nêu một câu hỏi rất xác đáng: - Bạch đức Thế Tôn! Giáo pháp trong sáng, lành mạnh và thiết thực nầy sẽ chuyển hóa và biến cải rất nhiều người thuộc nhiều giai cấp khác nhau. Vậy khi hóa độ được họ, đức Thế Tôn thì ở xa, chúng đệ tử phải làm như thế nào để cho hai hàng cận sự nam nữ quy y? Lại có trường hợp thọ giới xuất gia sa-di, xuất gia tỳ-khưu thì chúng đệ tử phải làm sao? Đức Phật mỉm cười: - Khi khuyên các thầy ra đi khắp bốn phương trời để hoằng hóa là Như Lai đã âm thầm để cho mỗi người được toàn quyền quyết định về điều ấy. Như Lai được tự do mà các thầy cũng được tự do kia mà! Koṇḍañña cúi đầu lĩnh ý rồi thưa bạch: - Đệ tử hiểu! Nhưng ở đây sẽ có nghi thức nào để phân biệt cách thọ trì của hai hàng cư sĩ áo trắng, tiểu giới xuất gia sa-di (pabbajā) và đại giới xuất gia tỳ-khưu (upasampadā)? - Chẳng cần thiết đưa ra các nghi thức khác nhau, nhất là vào lúc này! Chỉ cần họ có tịnh tín (hoặc có thêm giới, thí) đối với hai hàng cận sự, vào buổi đầu. Chỉ cần có tịnh tín (hoặc có thêm giới, trí) đối với hàng xuất gia, vào buổi đầu. Phải quán căn duyên của họ mà tùy nghi, này Koṇḍañña! - Vậy thì chúng đệ tử sẽ thực hiện như thế này: Đối với cư sĩ, đối với ai có lòng tin trong sạch vào giáo pháp này, chúng đệ tử sẽ cho họ chấp tay và quỳ bên chân vị tỳ-khưu truyền giới, đọc ba lần: Buddhaṃ saranaṃ gacchāmi! Dhammaṃ saranaṃ gacchāmi! Saṅghaṃ saranaṃ gacchāmi! Đức Phật gật đầu. Koṇḍañña thưa tiếp: - Đối với lễ xuất gia sa-di, tỳ-khưu, chúng đệ tử sẽ cho họ cạo sạch râu tóc, mang bát (đất nung hoặc gỗ), đắp y nội và ngoại màu vàng hoại sắc, chừa vai trái, đảnh lễ, chấp tay 402 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

cung kính trước vị tỳ-khưu truyền giới rồi cũng đọc ba lần Tam quy như trên! Đức Phật lại gật. Koṇḍañña có vẻ suy nghĩ một lát: - Khắp nơi, đâu cũng là đất, là lãnh cư của sáu phái bà- la-môn truyền thống; và nghe đâu, bây giờ cũng thịnh hành sáu phái khác ở ngoài truyền thống nữa. Sẽ có những cuộc chống đối, nhục mạ, thách thức hay tranh luận xẩy ra trên lộ trình hành hóa gian nan. Chúng đệ tử học vấn ít ỏi, kiến văn hẹp

hòi, lại chưa trang bị môn học lý luận, nếu gặp những tay biện sĩ lang thang, những luận sư học vấn sâu rộng, miệng lưỡi khéo giỏi, xảo ngôn thì chúng đệ tử phải làm sao để đối phó? Điều quan tâm của Koṇḍañña rất là thiết thực. Đức Phật chợt một hai sát-na vào đại định, một hai sát-na sau, xuất định, trở lại cận định, phóng hào quang sáu màu từng đôi một phủ quanh người, quanh cội cây Assattha rồi tỏa rộng ra không gian. Cả sáu mươi vị A-la-hán cũng ngồi yên lặng như đại định, chiêm ngưỡng vẻ đẹp tướng dụng của một bậc Chánh Đẳng Giác. Một lát, thâu lại hào quang, đức Phật nhìn khắp chúng đệ tử một vòng, rồi cất giọng điềm đạm, nghiêm từ dạy bảo: - Người và pháp là Một. Các thầy ai cũng có hào quang tỏa ra bên ngoài cả. Ấy là sự thực chứng bên trong, tỏ lộ ra ngoài bằng ngữ, nghiệp, mạng thanh tịnh, bằng oai nghi, luật giới, bằng thiểu dục, tri túc, bằng vô sản bần hàn, bằng không dính mắc bất kỳ ô nhiễm nào từ ngoại giới cũng như nội tâm. Vậy đối với những ai phỉ báng, nhục mạ, các thầy đã có áo giáp nhẫn nhục và từ bi! Đối với ai muốn tranh luận thì hãy nói với họ rằng: Thế gian tranh luận với Như Lai, với đệ tử Như Lai; Như Lai và đệ tử của Như Lai không tranh luận với thế gian. Và nếu họ cứ muốn miệng lưỡi đấu khẩu thì nói với họ rằng: Giáo pháp của Như Lai là để học hỏi, tu tập, thực hành; là để dành cho tuệ giác, trực giác tâm linh Minh Đức Triều Tâm Ảnh 403

chứng nghiệm ở bên trong, chứ không phải là ở bên ngoài kiến thức, miệng lưỡi, trí thức, lý trí và luận thức đa biện! Nếu những khi cần nói, các thầy cứ nói, không ngại ngùng gì cả! Vì sao vậy? Vì chúng ta có thể biết tất cả hoặc biết một, hai phần giáo pháp, tư tưởng của họ; nhưng giáo pháp, tư tưởng, đạo lộ tu tập của Như Lai hiện có trong tâm và tuệ của các thầy thì họ không biết gì cả! Hội chúng thánh tăng thế là đã thông suốt. Họ đã biết phải làm gì, đã biết phải đối phó ra sao trên bước đường đời đầy chông gai và bụi bặm. Đức Phật chợt phóng một hào quang sáng trắng từ đỉnh trán, nói một câu cuối để tiễn đưa chúng đệ tử lên đường: - Các thầy phải ghi nhớ ý tưởng cẩm nang này mà xử sự: “Hãy im lặng như Chánh pháp! Hãy nói năng như Chánh pháp”. Đấy là vào năm năm trăm tám mươi bảy trước Kỷ nguyên, nhằm ngày mười sáu tháng mười Âm lịch, đức Phật đã an cư mùa mưa đầu tiên, sau đó ngài cùng với sáu mươi vị thánh tăng tuần tự trước sau rời Lộc Uyển, tụ lạc Isipatana rồi tản mác khắp bốn phương trời vì sứ mạng thiêng liêng, cao cả. Có ai biết rằng, những dấu chân đầu tiên này, là những dấu chân vĩ đại nhất trong lịch sử tôn giáo, tư tưởng, lịch sử văn hóa và văn minh của nhân loại.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.